

Số: 154/TB-CTKTTL

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy chế tài chính đối với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-CTKTTL ngày 22/11/2022 của Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản thanh lý.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản như sau:

1. Cơ quan có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.
- Địa chỉ: Số 144 đường 21/8, phường Phước Mỹ, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Thông tin về tài sản đấu giá:

TT	Tên tài sản	ĐVT	số lượng	Chiều dài (m)	Độ dày	Định mức kg/m	Tổng khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Ống sắt 6m	ống	45	6	0,0042	33,1	7.150	D = 300
2	Ống sắt 3,7m	ống	1	3,7	0,0042	33,1	98	
3	Ống sắt 4,9m	ống	2	4,9	0,0042	33,1	260	
4	Ống sắt 1,7m	ống	3	1,7	0,0042	33,1		

							135	
5	Ống sắt chữ Y 5.8m	ống	1	5.8	0,0042	33,1	154	
6	Ống sắt 1,45m	ống	1	1,45	0,0042	33,1	38	
7	Ống sắt 1m	ống	2	1	0,0042	33,1	53	
8	Van một chiều	ống	2	0,65	0,0042	33,1	34	
9	Lợi 0.4m	ống	4	0.4	0,0042	33,1	42	
10	Ống sắt 3.3m	ống	1	3,3	0,00376	19,96	53	D = 200
11	Ống sắt 3.1m	ống	4	3,1	0,00376	19,96	198	
12	Ống sắt 3,4m	ống	1	3,4	0,00376	19,96	54	
13	Ống sắt 2.7m	ống	1	2,7	0,00376	19,96	43	
14	Ống sắt 2,9m	ống	2	2,9	0,00376	19,96	93	
15	Ống sắt 3.2m	ống	1	3,2	0,00376	19,96	51	
16	Ống sắt 2.5m	ống	2	2,5	0,00376	19,96	80	
17	Ống sắt 2.7m	ống	2	2,7	0,00376	19,96	86	
18	Ống sắt 3m	ống	1	3	0,00376	19,96	48	
19	Ống sắt 1.5m	ống	1	1,5	0,00376	19,96	24	
20	Ống sắt 2,3m	ống	1	2,3	0,00376	19,96	37	
21	Ống sắt 2,4m	ống	1	2,4	0,00376	19,96	38	
22	Ống sắt 2,8m	ống	1	2,8	0,00376	19,96	45	
23	Cánh cổng (2,1m x 1,7m)	cái	2				669	
	<i>Thép tấm dày 8mm</i>		1	(2,1x1,7)	0,008	KLR: 62,8kg/m ²	359	
	<i>Thép U(100x50x5x7.5)mm</i>		5	2,1		KLR: 9,36kg/m	157	
			6	1,7		KLR: 9,36kg/m	153	
24	Cánh cổng (2.09m x 1,74m)	cái	4				1.466	
	<i>Thép tấm dày 8mm</i>		1	(2,09x1,74)	0,008	KLR: 62.8kg/m ²	731	
	<i>Thép V(100x100x10)mm</i>		4	2,09		KLR: 15kg/m	401	
			4	1,74		KLR: 15kg/m	334	
	Tổng cộng						10.949	

* **Giá khởi điểm: 65.694.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

3. Tiêu chí và cách thức lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

a) Các tổ chức đấu giá phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật đấu giá tài sản và các tiêu chí khác do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận quy định, cụ thể theo Bảng phụ lục hướng dẫn tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá kèm theo Thông báo này.

b) Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại và nộp hồ sơ theo đúng thời gian ghi tại Mục 5 Thông báo này. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì xét theo thứ tự ưu tiên tổ chức có tổng điểm tiêu chí về Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản cao hơn.

4. Hồ sơ nộp đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Năng lực hoạt động của tổ chức đấu giá: 01 bộ hồ sơ chứng minh về năng lực (Gồm: Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền đã đăng ký hoạt động với Sở tư pháp Ninh Thuận, có số lượng đấu giá viên theo tiêu chí lựa chọn,...)

- Bảng điểm chi tiết theo Tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá kèm theo.

- Số lượng hồ sơ đăng ký tham gia: 01 bộ hồ sơ phải còn nguyên niêm phong.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian nộp hồ sơ: Trong thời gian 03 ngày làm việc (trong giờ hành chính) kể từ ngày thông báo.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, địa chỉ: 144 đường 21/8, phường Phước Mỹ, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 0259 3831224.

Lưu ý: Hồ sơ đăng ký được gửi trực tiếp, không qua đường bưu điện hoặc trung gian. Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và giấy tờ tùy thân (CMND/ CCCD). Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được chọn.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết đăng ký tham gia theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công TTĐTQG về đấu giá tài sản;
- Trang thông tin điện tử Công ty;
- Chủ tịch + KSV+ BGD cty;
- Lưu VT, TV.



Lê Phạm Hòa Bình



UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 154 /TB-CTKTTL ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0

4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0

3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0

2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>